TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 103/2019/HS-ST
Ngày: 19-11-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Kim Mỹ.
2. Ông Trần Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ràng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 107/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 105/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Trương Công T (Châu, Khánh, Nhóc), sinh năm 1993 tại tỉnh Bến Tre;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 5, ấp HA, xã ĐPH, huyện MCN, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 5/12;
Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Trương Văn Nh, sinh năm 1966 và bà Trương Thị B, sinh năm 1963;
Vợ: không, hiện đang sống chung như vợ chồng với Huỳnh Thị Tuyết S, sinh năm 1994; Con: có 01 người con sinh năm 2017;
Tiền án: Ngày 06/5/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản"; Tiền sự: Không;
Bị cáo bị bắt tạm giữ 03/10/2019 đến ngày 06/10/2019 chuyển tạm giam cho đến nay. (Có mặt).

* *Người chứng kiến*:
- Trần Thị Diễm Th, sinh năm 1976. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Khu phố 1, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Lê Văn Ch, sinh năm 1987. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Khu phố 2, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trương Công T là đối tượng sử dụng ma túy, khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/5/2019, bị cáo T đi xe buýt đến khu vực gần cầu Rạch Miễu thuộc thành phố MT, tỉnh Tiền Giang mua của một người tên N (không rõ họ, địa chỉ) 02 túi ma túy được đựng trong 02 túi nylon và gói trong mảnh giấy bạc màu vàng với giá 500.000 đồng và đem về phòng trọ cất giấu. Đến tối cùng ngày, bị cáo lấy một ít ra sử dụng rồi gói số ma túy còn lại vào mảnh giấy bạc màu vàng, để trên kệ của gương soi mặt được treo trên tường của phòng trọ để dành sử dụng. Lúc 09 giờ ngày 24/5/2019, lực lượng khi Công an kiểm tra hành chính Phòng số 5, nhà trọ khu phố 3, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (nơi bị cáo thuê ở) thì phát hiện bị cáo T đang có hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nên tiến hành lập biên bản phạm pháp quả tang và thu giữ tang vật gồm:

- 01 mảnh giấy bạc màu vàng được gói lại, bên trong có 01 túi nylon màu trắng và 01 túi nylon màu trắng, sọc xanh đều được hàn kín cùng chứa tinh thể màu trắng, nghi là ma tuý (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký và ghi tên Phan Nghĩa Th, Nguyễn Hữu Kh, Trương Công T, Lê Văn Ch, Trần Thị Diễm Th, Lê Quang V và dấu tròn màu đỏ của Công an phường PT, thành phố BT).

- 01 bình nhựa có chữ Sting, nắp đỏ có gắn nỏ thủy tinh và ống hút màu trắng đỏ.

Theo kết luận giám định số 77/2019/GĐMT ngày 13/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) túi nylon gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng 0,5247 gam.

Tại bản cáo trạng số 108/CT-VKSTPBT ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy";

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung;

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì ký hiệu số 77/2019 có chữ ký ghi tên Phan Trung Tr, Phan Nghĩa Th và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định có khối lương 0,4488 gam;

+ 01 bình nhựa có chữ Sting, nắp bình màu đỏ có gắn nỏ thủy tinh và ống hút màu trắng đỏ.

Bị cáo Trương Công T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, không khiếu nại gì đối với các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Những người chứng kiến đã được Tòa án tống đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Bị cáo T có lời khai tại phiên tòa phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang ngày 24/5/2019, lời khai của người chứng kiến, phù hợp với kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo T đã có hành vi cất giấu trái phép 0,5247 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng.

[3] Bị cáo T là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn mua và cất giấu ma túy để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, làm phát sinh nguy cơ xảy ra các tội phạm và tệ nạn khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo T không có tiền sự nhưng có 01 tiền án.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo T được hưởng là thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo Trương Công T là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 phong bì chứa mẫu ma túy còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành và 01 bình nhựa có chữ Sting, nắp đỏ có gắn nỏ thủy tinh và ống hút màu trắng đỏ là công cụ phương tiện sử dụng ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với đối tượng tên N do không rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo T phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Công T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trương Công T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2019.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì ký hiệu số 77/2019 có chữ ký ghi tên Phan Trung Tr, Phan Nghĩa Th và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,4488 gam;

+ 01 (một) bình nhựa có chữ Sting, nắp bình màu đỏ có gắn nỏ thủy tinh và ống hút màu trắng đỏ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/11/2019 hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre đang quản lý).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trương Công T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo được kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã ĐPH, huyện MCN (2b);
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương